



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng tìm việc làm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000412	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	07					
2	000413	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	07					
3	000414	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	07					HP
4	000415	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	08					HP
5	000416	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	08					
6	000417	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	08					
7	000418	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	08					
8	000419	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	08					
9	000420	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	08					
10	000421	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	08					
11	000422	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	08					
12	000423	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	08					
13	000424	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	08					
14	000425	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	08					
15	000426	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	08					
16	000427	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	08					
17	000428	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	08					
18	000429	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	08					HP
19	000430	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	08					
20	000431	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	08					
21	000432	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	08					
22	000433	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	08					
23	000434	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	08					
24	000435	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	08					
25	000436	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	08					
26	000437	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	08					
27	000438	1101021402	Nguyễn Thị	Lan	31/12/2005	KD11C	08					HP
28	000439	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	08					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000440	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	08					
30	000441	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	08					
31	000442	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	08					HP
32	000443	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	08					
33	000444	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	08					HP
34	000445	1101020198	Trương Quỳnh	Nga	19/06/2005	KD11C	08					

Tổng số sinh viên dự thi:.....
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm
Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2